Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIỆT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DÂN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

io	tu	lui
lei	esso	noi
voi	loro	cosa
chi	dove	perché questione
come	quale	quando
dopo	se	davvero
ma	perché causa	non

anh ấy	bạn	tôi
chúng tôi / chúng ta	nó	cô ấy
cái gì	họ	các bạn
tại sao	ở đâu	ai
lúc nào	cái nào	làm sao
thật sự	nếu	sau đó
không	bởi vì	nhưng

questo	quello	tutto
o	e	qui
lì	sinistra	destra
adesso	pomeriggio	mattina
notte	mattina presto	sera
mezzogiorno	mezzanotte	ora
minuto	secondo tempo	giorno

tất cả	đó	này
đây	và	hoặc
phải	trái	đó
buổi sáng	buổi chiều	bây giờ
buổi tối	buổi sáng	ban đêm
giờ	nửa đêm	buổi trưa
ngày	giây	phút

settimana	mese	anno
ieri	oggi	domani
lunedì	martedì	mercoledì
giovedì	venerdì	sabato
domenica	donna	uomo
amore	ragazzo fidanzato	ragazza fidanzata
amico	bacio	sesso coito

năm	tháng	tuần
ngày mai	hôm nay	hôm qua
thứ tư	thứ ba	thứ hai
thứ bảy	thứ sáu	thứ năm
đàn ông	đàn bà	chủ nhật
bạn gái	bạn trai	tình yêu
tình dục	hôn	bạn

bambino	ragazza generale	ragazzo generale
mamma	papà	madre
padre	genitori	figlio
figlia	sorella minore	fratello minore
sorella maggiore	fratello maggiore	marito
moglie	ogni	sempre
in realtà	di nuovo	già

con trai	con gái	trẻ em
má	ba	mẹ
con trai	cha mẹ	cha
em trai	em gái	con gái
chồng	anh trai	chị gái
luôn luôn	mỗi / mọi	vợ
đã	lần nữa	thực ra

meno	il più	di più
nessuno	molto	fuori
dentro	lontano	vicino aggettivo
sotto	sopra	di fianco
fronte posizione	retro	tutti
insieme	altro	primavera
estate	autunno	inverno

nhiều hơn	phần lớn	ít hơn
ở ngoài	rất	không có
gần	xa	ở trong
bên cạnh	bên trên	bên dưới
mọi người	phía sau	phía trước
mùa xuân	khác	cùng nhau
mùa đông	mùa thu	mùa hè

gennaio	febbraio	marzo
aprile	maggio	giugno
luglio	agosto	settembre
ottobre	novembre	dicembre
nord	est	sud
ovest	spesso	immediatamente
improvvisamente	anche se	

tháng ba	tháng hai	tháng một
tháng sáu	tháng năm	tháng tư
tháng chín	tháng tám	tháng bảy
tháng mười hai	tháng mười một	tháng mười
nam	đông	bắc
ngay lập tức	thường xuyên	tây
	mặc dù	đột ngột

Số

zero	uno	due
tre	quattro	cinque
sei	sette	otto
nove	dieci	undici
dodici	tredici	quattordici
quindici	sedici	diciassette
diciotto	diciannove	venti

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

© 2025 Flashcardo.com

ventuno	ventidue	ventisei
trenta	trentuno	trentatré
trentasette	quaranta	quarantuno
quarantaquattro	quarantotto	cinquanta
cinquantuno	cinquantacinque	cinquantanove
sessanta	sessantuno	sessantadue
sessantasei	settanta	settantuno

26	22	21
33	31	30
41	40	37
50	48	44
59	55	51
62	61	60
71	70	66

© 2025 Flashcardo.com

settantatré	settantasette	ottanta
ottantuno	ottantaquattro	ottantotto
novanta	novantuno	novantacinque
novantanove	cento	centouno
centocinque	centodieci	centocinquantuno
duecento	duecentodue	duecentosei
duecentoventi	duecentosessantadue	trecento

80	77	73
88	84	81
95	91	90
101	100	99
151	110	105
206	202	200
300	262	220

© 2025 Flashcardo.com

trecentotré	trecentosette	trecentotrenta
trecentosettanta	quattrocento	quattrocentoquattro
quattrocentotto	quattrocentoquaranta	quattrocentottantaquattro
cinquecento	cinquecentocinque	cinquecentonove
cinquecentocinquanta	cinquecentonovantacinque	seicento
seicentouno	seicentosei	seicentosedici
seicentosessanta	settecento	settecentodue

330	307	303
404	400	373
484	440	408
509	505	500
600	595	550
616	606	601
702	700	660

settecentosette	settecentoventisette	settecentosettanta
ottocento	ottocentotré	ottocentootto
ottocentotrentotto	ottocentottanta	novecento
novecentoquattro	novecentonove	novecentoquarantanove
novecentonovanta	mille	milleuno
milledodici	milleduecentotrentaquattro	duemila
duemiladue	duemilaventitré	duemilatrecentoquarantacinque

770	727	707
808	803	800
900	880	838
949	909	904
1001	1000	990
2000	1234	1012
2345	2023	2002

© 2025 Flashcardo.com

tremila	tremilatré	quattromila
quattromilaquarantacinque	cinquemila	cinquemilaseicentosettantotto
seimila	settemila	settemilaottocentonovanta
ottomila	ottomilanovecentouno	novemila
novemilanovanta	diecimila	diecimilauno
ventimilaventi	trentamilatrecento	quarantaquattromila
centomila	cinquecentomila	un milione

4000	3003	3000
5678	5000	4045
7890	7000	6000
9000	8901	8000
10.001	10.000	9090
44.000	30.300	20.020
1.000.000	500.000	100.000

sei milioni	dieci milioni	settanta milioni
cento milioni	ottocento milioni	un miliardo
nove miliardi	dieci miliardi	venti miliardi
cento miliardi	trecento miliardi	mille miliardi

70.000.000	10.000.000	6.000.000
1.000.000.000	800.000.000	100.000.000
20.000.000.000	10.000.000.000	9.000.000.000
1.000.000.000.000	300.000.000.000	100.000.000.000

Động từ

sapere	pensare	venire
mettere	prendere	trovare
ascoltare	lavorare	parlare
dare generale	piacere	aiutare
amare	fare una telefonata	aspettare
stare in piedi	sedere	chiudere p.e. porta
aprire p.e. porta	perdere	vincere

đến	nghĩ	biết
tìm	lấy	đặt
nói chuyện	làm việc	nghe
giúp đỡ	thích	cho
chờ đợi	gọi	yêu
đóng	ngồi	đứng
thắng	thua	mở

morire	vivere	accendere
spegnere	uccidere	ferire
toccare	guardare	bere
mangiare	camminare	incontrare
scommettere	baciare	seguire
sposare	rispondere	chiedere questione
tirare p.e. porta	spingere p.e. porta	premere

bật	sống	chết
làm bị thương	giết	tắt
uống	xem	chạm
gặp	đi bộ	ăn
đi theo	hôn	đặt cược
hỏi	trả lời	cưới
ấn	đẩy	kéo

colpire	catturare	combattere
lanciare	correre	leggere
scrivere	aggiustare	contare
tagliare	vendere	comprare
pagare	studiare	sognare
dormire	giocare	festeggiare
godere	pulire generale	sparare

chiến đấu	bắt	đánh
đọc	chạy	ném
đếm	sửa chữa	viết
mua	bán	cắt
mơ	học	trả
ăn mừng	chơi	ngủ
bẳn	dọn dẹp	thưởng thức

difendere	attaccare	rubare
bruciare	salvare persona	volare
sputare	calciare	mordere
respirare	odorare	piangere
cantare	sorridere	ridere
crescere	rimpicciolire	litigare
condividere	nutrire	nascondere

trộm	tấn công	bảo vệ
bay	cứu	đốt
cắn	đá	khạc nhổ
khóc	ngửi	thở
cười	cười mỉm	hát
tranh luận	co lại	lớn lên
trốn	cho ăn	chia sẻ

avvisare	nuotare	saltare
sollevare	scavare	consegnare
cercare	praticare	viaggiare
dipingere	aprire serratura	chiudere serratura
lavare	pregare	cucinare
vomitare	urlare	citare
stampare	calcolare	guadagnare

nhảy	bơi	cảnh báo
giao hàng	đào	nâng
đi du lịch	luyện tập	tìm kiếm
khóa	mở	vẽ
nấu ăn	cầu nguyện	rửa
trích dẫn	la hét	nôn
kiếm tiền	tính toán	in

Tính từ

nuovo	vecchio oggetto	poco
tanto	sbagliato	corretto
cattivo male	buono	contento
corto	lungo	piccolo
grande	bella	giovane
vecchio persona	bianco	nero
rosso	blu	verde

ít	cũ	mới
chính xác	sai	nhiều
hạnh phúc	tốt	xấu
nhỏ	dài	ngắn
trẻ	xinh đẹp	lớn
màu đen	màu trắng	già
màu xanh lá cây	màu xanh da trời	màu đỏ

giallo	lento	veloce
divertente	ingiusto	giusto
difficile	facile	ricco
povero	forte forza	debole
sicuro	stanco	orgoglioso
sazio	malato	sano
arrabbiato	basso diagramma	alto diagramma

nhanh	chậm	màu vàng
công bằng	không công bằng	vui vẻ
giàu	dễ	khó
yếu	khỏe	nghèo
tự hào	mệt mỏi	an toàn
khỏe mạnh	bệnh	no bụng
cao	thấp	tức giận

dolce aggettivo	aspro	morbido
duro	carino	stupido
pazzo	occupato	alto statura
basso statura	preoccupato	sorpreso
educato	cattivo iniquo	intelligente
freddo	caldo torrido	arancione
grigio	marrone	rosa colore

mềm	chua	ngọt
ngu ngốc	đáng yêu	cứng
cao	bận rộn	điên khùng
ngạc nhiên	lo lắng	thấp
khéo léo	ác độc	cư xử tốt
màu cam	nóng	lạnh
màu hồng	màu nâu	màu xám

noioso	pesante	leggero
solitario	affamato	assetato
triste	ripido	piatto aggettivo
stretto	ampio	profondo
poco profondo	enorme	sporco
pulito	pieno	vuoto
costoso	economico	sexy

nhẹ	nặng	nhàm chán
khát nước	đói bụng	cô đơn
bằng phẳng	dốc	buồn
sâu	rộng	hẹp
bẩn	lớn	nông
trống rỗng	đầy	sạch sẽ
quyến rũ	rẻ	đắt

pigro	coraggioso	generoso
bagnato	asciutto	forte suono
tranquillo	soleggiato	piovoso
nebbioso	nuvoloso	

hào phóng	dũng cảm	lười biếng
ồn ào	khô	ướt
nhiều mưa	nắng	yên tĩnh
	nhiều mây	sương mù

Thể thao

ginnastica	tennis	corsa
ciclismo	golf	calcio
pallacanestro	nuoto	immersione
escursionismo	maratona	triathlon
ping pong	sollevamento pesi	pugilato
badminton	pattinaggio artistico	snowboard
sci	sci di fondo	hockey su ghiaccio

chạy	quần vợt	thể dục dụng cụ
bóng đá	đánh golf	đạp xe
lặn	bơi lội	bóng rổ
ba môn phối hợp	chạy marathon	đi bộ đường dài
quyền anh	cử tạ	bóng bàn
trượt ván tuyết	trượt băng nghệ thuật	cầu lông
khúc côn cầu trên băng	trượt tuyết băng đồng	trượt tuyết

pallavolo	pallamano	beach volley
rugby	cricket	baseball
football americano	pallanuoto	tuffi
surf	vela	canottaggio
yoga	danza	paracadutismo
scacchi	poker	bowling
danza classica		

bóng chuyền bãi biển	bóng ném	bóng chuyền
bóng chày	bóng gậy	bóng rugby
nhảy cầu	bóng nước	bóng bầu dục Mỹ
chèo thuyền	đua thuyền buồm	lướt sóng
nhảy dù	khiêu vũ	yoga
bowling	đánh bài poker	cờ vua
		múa ba lê

Động vật

maiale animale	mucca	cavallo
cane	pecora	scimmia
gatto	orso	pollo animale
anatra	farfalla	ape
pesce animale	ragno	serpente
tigre	topo	coniglio
leone	asino	elefante

con ngựa	con bò	con lợn
con khỉ	con cừu	con chó
con gà	con gấu	con mèo
con ong	con bướm	con vịt
con rắn	con nhện	con cá
con thỏ	con chuột	con hổ
con voi	con lừa	con sư tử

piccione	insetto coleottero	zanzara
mosca	formica	balena
squalo	delfino	lumaca
rana	panda	orso polare
lupo	koala	canguro
giraffa	volpe	ippopotamo
pipistrello	corvo	cigno

con muỗi	con bọ	con chim bồ câu
con cá voi	con kiến	con ruồi
con ốc sên	con cá heo	con cá mập
con gấu Bắc cực	con gấu trúc	con ếch
con chuột túi	con gấu túi	con chó sói
con hà mã	con cáo	con hươu cao cổ
con thiên nga	con quạ	con dơi

gabbiano	gufo	pinguino
pappagallo	bruco	libellula
calamaro	polpo	cavalluccio marino
foca	medusa	granchio
dinosauro	tartaruga terrestre	coccodrillo

con chim cánh cụt	con cú	con chim hải âu
con chuồn chuồn	con sâu bướm	con vẹt
con cá ngựa	con bạch tuộc	con mực ống
con cua	con sứa	con hải cẩu
con cá sấu	con rùa cạn	con khủng long

Quốc gia

Europa	Asia	America
Africa	Regno Unito	Spagna
Svizzera	Italia	Francia
Germania	Tailandia	Singapore
Russia	Giappone	Israele
India	Cina	Stati Uniti d'America
Messico	Canada	Cile

Châu Mỹ	Châu Á	Châu Âu
Tây Ban Nha	Vương quốc Anh	Châu Phi
Pháp	Ý	Thụy sĩ
Singapore	Thái Lan	Đức
Israel	Nhật Bản	Nga
Hoa Kỳ	Trung Quốc	Ấn Độ
Chile	Canada	Mexico

Brasile	Argentina	Sud Africa
Nigeria	Marocco	Libia
Kenia	Algeria	Egitto
Nuova Zelanda	Australia	

Nam Phi	Argentina	Brazil
Libya	Ma Rốc	Nigeria
Ai Cập	Algeria	Kenya
	Úc	New Zealand

Cơ thể

testa	naso	capello
bocca	orecchio	occhio
mano	piede	cuore
cervello	collo	fondoschiena
spalla	ginocchio	gamba
braccio	pancia	seno
schiena	dente	lingua

tóc	mũi	đầu
mắt	tai	miệng
tim	bàn chân	bàn tay
mông	cổ	não
chân	đầu gối	vai
ngực	bụng	tay
lưỡi	răng	lưng

labbro	dito	dito del piede
stomaco	polmone	fegato
nervo	rene	intestino
fronte parte del corpo	mento	guancia
barba	pollice	mignolo
anulare	dito medio	indice
unghia	tallone	spina dorsale

ngón chân	ngón tay	môi
gan	phổi	dạ dày
ruột	thận	dây thần kinh
má	cằm	trán
ngón tay út	ngón cái	râu
ngón tay trỏ	ngón tay giữa	ngón tay đeo nhẫn
xương sống	gót chân	móng tay

muscolo	osso parte del corpo	scheletro
costola	vertebra	vescica
vena	arteria	vagina
sperma	pene	testicolo

bộ xương	xương	cơ bắp
bàng quang	đốt sống	xương sườn
âm đạo	động mạch	tĩnh mạch
tinh hoàn	dương vật	tinh trùng

Ngôi nhà

porta	cucina	bagno
salotto	camera da letto	giardino
garage	muro	seminterrato
gabinetto edificio	scale	tetto
finestra edificio	coltello	tazza da caffè
bicchiere	piatto nome	tazza bicchiere
bidone della spazzatura	ciotola	scrivania

phòng tắm	nhà bếp	cửa
vườn	phòng ngủ	phòng khách
tầng hầm	tường	gara
mái nhà	cầu thang	nhà vệ sinh
tách	dao	cửa sổ
cốc	đĩa	ly
bàn	tô	thùng rác

letto	specchio	doccia
divano	foto	orologio edificio
tavolo	sedia	vicino persona
ascensore	balcone	soffitta
camino	cucchiaio di legno	bacchetta
posate	cucchiaio	forchetta
mestolo	pentola	padella

vòi hoa sen	gương	giường
đồng hồ	ảnh	ghế sô pha
hàng xóm	ghế	bàn
gác xép	ban công	thang máy
đũa	muỗng gỗ	ống khói
nĩa	muỗng	bộ dao nĩa
chảo	nồi	cái vá

lampadina	libreria	tenda edificio
materasso	cuscino	coperta
mensola	cassetto	armadio
secchio	scopa	bilancia
cesto della biancheria	vasca da bagno	asciugamano da bagno
sapone	carta igienica	asciugamano
lavandino	scala a pioli	cassetta della posta

rèm	giá sách	bóng đèn
chăn	gối	nệm
tủ quần áo	ngăn kéo	kệ
cái cân	chổi	xô
khăn tắm	bồn tắm	giỏ đựng đồ giặt
khăn tắm	giấy vệ sinh	xà phòng
hộp thư	cái thang	bồn rửa mặt

recinto		

		hàng rào

Thức ăn

uovo	formaggio	latte
pesce cibo	carne	osso cibo
olio	pane	zucchero
cioccolato	caramella	torta
acqua	caffè	tè
birra	vino	insalata
zuppa	dolce nome	colazione

sữa	phô mai	trứng
xương	thịt	cá
đường	bánh mì	dầu
bánh bông lan	kẹo	sô cô la
trà	cà phê	nước
sa lát	rượu nho	bia
bữa ăn sáng	món tráng miệng	súp

pranzo	cena	pizza
gelato	burro	yogurt
tonno	salmone	prosciutto
pancetta	salsiccia	tacchino
pollo cibo	manzo	maiale cibo
agnello	zucca	fungo
tartufo	aglio	porro

pizza	bữa tối	bữa trưa
sữa chua	bơ	kem
giăm bông	cá hồi	cá ngừ
thịt gà tây	xúc xích	thịt ba rọi
thịt heo	thịt bò	thịt gà
nấm	bí ngô	thịt cừu
tỏi tây	tỏi	nấm cục

zenzero	melanzana	patata dolce
carota	cetriolo	peperoncino
pepe verdura	cipolla	patata
cavolfiore	cavolo	broccoli
lattuga	spinaci	bambù cibo
mais	sedano	pisello
fagiolo	pera	mela

khoai lang	cà tím	gừng
ớt	dưa chuột	cà rốt
khoai tây	củ hành	ớt chuông
bông cải xanh	bắp cải	bông cải trắng
tre	rau chân vịt	xà lách
đậu Hà Lan	cần tây	ngô
quả táo	quả lê	hạt đậu

oliva	fico frutto	dattero
cocco	mandorla	nocciola
arachide	banana	mango
kiwi	avocado	ananas
anguria	acino d'uva	melone giallo
lampone	mirtillo	fragola
ciliegia	prugna	albicocca

quả chà là	quả sung	quả ô liu
hạt phỉ	quả hạnh nhân	quả dừa
quả xoài	quả chuối	đậu phộng
quả dứa	quả bơ	quả kiwi
dưa gang	quả nho	dưa hấu
quả dâu tây	quả việt quất	quả mâm xôi
quả mơ	quả mận	quả anh đào

pesca	limone	pompelmo
arancia	pomodoro	menta
citronella	cannella	vaniglia
sale	pepe spezia	curry
tabacco	tofu	aceto
spaghetto	latte di soia	farina
riso	avena	grano

quả bưởi	quả chanh	quả đào
bạc hà	cà chua	quả cam
vani	quế	sả
cà ri	tiêu	muối
giấm	đậu hũ	thuốc lá
bột mì	sữa đậu nành	mì sợi
lúa mì	yến mạch	gạo

soia	noce	miele
marmellata	gomma da masticare	pancake
biscotto	budino	muffin
ciambella	bevanda energetica	succo d'arancia
succo di mela	frappè	coca cola
cioccolata calda	cocktail	rum
whisky	vodka	menù

mật ong	hạt	đậu nành
bánh kếp	kẹo cao su	mứt
bánh muffin	bánh pudding	bánh quy
nước cam	nước tăng lực	bánh rán vòng
coca cola	sữa lắc	nước táo
rượu rum	rượu cocktail	sô cô la nóng
thực đơn	rượu vodka	rượu whisky

frutti di mare	spaghetti	sushi
popcorn	patatine	ali di pollo
patatine fritte	senape	maionese
salsa di pomodoro	sandwich	hot dog
burger		

sushi	mì Ý	hải sản
cánh gà	khoai tây lát mỏng	bắp rang bơ
sốt mayonnaise	mù tạt	khoai tây chiên
bánh mì kẹp xúc xích	bánh mì kẹp	nước sốt cà chua
		bánh burger

Trường học

libro	biblioteca	compiti a casa
esame	lezione scuola	scienze
storia	arte	penna
matita	primo	secondo 2.
terzo	quarto	ricerca
laurea	campo sportivo	dizionario
semestre	quaderno	geometria

bài tập về nhà	thư viện	sách
khoa học	bài học	bài thi
cây bút	nghệ thuật	lịch sử
thứ hai	thứ nhất	bút chì
nghiên cứu	thứ tư	thứ ba
từ điển	sân thể thao	bằng cấp
hình học	sổ tay	học kì

politica	filosofia	economia
educazione fisica	biologia	matematica
geografia	letteratura	chimica
fisica	righello	gomma da cancellare
forbici	nastro adesivo	colla
penna a sfera	graffetta	tre percento
cento percento	zero percento	metro cubo

kinh tế học	triết học	chính trị học
toán học	sinh học	giáo dục thể chất
hóa học	văn học	địa lý
cục tẩy	cái thước	vật lý
keo dán	băng dính	cái kéo
3%	kẹp giấy	bút bi
mét khối	0%	100%

metro quadrato	miglio	metro
millimetro	centimetro	decimetro
addizione	sottrazione	moltiplicazione
divisione	area	volume
rettangolo	quadrato	triangolo
cerchio	litro	millilitro
tonnellata	chilogrammo	grammo

mét	dặm	mét vuông
đề-xi-mét	xen-ti-mét	mi-li-mét
phép nhân	phép trừ	phép cộng
thể tích	diện tích	phép chia
tam giác	hình vuông	hình chữ nhật
mililít	lít	hình tròn
gram	kilôgam	tấn

magnete

microscopio

imbuto

laboratorio

lezione
università

cái phễu	kính hiển vi	nam châm
	bài giảng	phòng thí nghiệm

Thiên nhiên

cenere	fuoco	diamante
luna	sole	stella
pianeta	costa	lago
foresta	deserto	collina
roccia	fiume	valle
montagna	isola	oceano
mare	ghiaccio	neve

kim cương	lửa	tro
ngôi sao	mặt trời	mặt trăng
hồ	bờ biển	hành tinh
đồi núi	sa mạc	rừng
thung lũng	con sông	đá
đại dương	đảo	núi
tuyết	băng	biển

tempesta	pioggia	vento
albero	erba	rosa pianta
fiore	metallo	suolo
lava	carbone	sabbia
argilla	razzo	satellite
galassia	asteroide	continente
equatore	Polo Sud	Polo Nord

gió	mưa	bão táp
hoa hồng	cỏ	cây
đất	kim loại	hoa
cát	than	dung nham
vệ tinh	tên lửa	đất sét
lục địa	tiểu hành tinh	thiên hà
Bắc cực	Nam cực	đường Xích đạo

ruscello	foresta pluviale	grotta
cascata	riva	ghiacciaio
terremoto	cratere	vulcano
atmosfera	inondazione	nebbia
arcobaleno	tuono	fulmine
temporale	temperatura	tifone
uragano	nuvola	ramo

hang	rừng nhiệt đới	suối
sông băng	bờ biển	thác nước
núi lửa	miệng núi lửa	động đất
sương mù	lũ lụt	khí quyển
tia chớp	tiếng sấm	cầu vồng
bão nhiệt đới	nhiệt độ	cơn dông
cành cây	mây	bão

foglia	radice	tronco
seme	plastica	anidride carbonica
atomo	ferro	ossigeno
oro	argento	

thân cây	rễ cây	lá cây
cacbon điôxít	nhựa	hạt giống
ôxy	sắt	nguyên tử
	bạc	vàng

Giao thông

automobile	autobus	treno
stazione	fermata dell'autobus	aereo
nave	camion	bicicletta
moto	taxi	semaforo
parcheggio auto	strada	batteria corrente
motore auto	airbag	volante
cintura auto	pneumatico	bagagliaio

xe lửa	xe buýt	xe hơi
máy bay	trạm dừng xe buýt	ga xe lửa
xe đạp	xe tải	tàu
đèn giao thông	xe taxi	xe mô tô
ắc quy	đường	bãi đậu xe
vô-lăng	túi khí	động cơ
cốp sau	lốp xe	dây an toàn

biglietteria automatica	biglietteria	metropolitana
treno ad alta velocità	locomotiva	tram
scuolabus	pulmino	aeroporto
linea aerea	elicottero	prima classe
classe economica	business class	giubbotto di salvataggio
container	sottomarino	nave da crociera
nave cargo	yacht	traghetto

tàu điện ngầm	phòng bán vé	máy bán vé
xe điện	đầu máy	tàu cao tốc
sân bay	xe buýt nhỏ	xe buýt trường học
hạng nhất	máy bay trực thăng	hãng hàng không
áo phao	hạng thương gia	hạng phổ thông
tàu du lịch	tàu ngầm	công ten nơ
phà	du thuyền	tàu chở hàng

porto	scialuppa di salvataggio	radar
illuminazione stradale	marciapiede	stazione di rifornimento
cantiere	attraversamento pedonale	ingorgo stradale
autostrada	carro armato	scavatrice
trattore	roulotte	motorino
funivia		

ra đa	xuồng cứu sinh	hải cảng
trạm xăng	vỉa hè	đèn đường
tắc đường	vạch qua đường	công trường
máy xúc	xe tăng	đường cao tốc
xe tay ga	rơ-moóc	máy kéo
		xe cáp treo

Thành phố

ospedale	scuola	casa edificio
conto	mercato	supermercato
appartamento	università	fattoria
chiesa	ristorante	bar
palestra	parco	gabinetto pubblico
mappa	ambulanza	polizia
pompiere generale	nazione	sobborgo

nhà ở	trường học	bệnh viện
siêu thị	chợ	hóa đơn
nông trại	trường đại học	căn hộ
quán bar	nhà hàng	nhà thờ
nhà vệ sinh	công viên	phòng thể dục
cảnh sát	xe cứu thương	bản đồ
ngoại ô	quốc gia	lính cứu hỏa

villaggio	garanzia	centro commerciale
farmacia	grattacielo	castello
ambasciata	sinagoga	tempio
fabbrica	moschea	municipio
posta	fontana	night-club
panchina	corso di golf	stadio
piscina edificio	campo da tennis	ufficio informazioni turistiche

trung tâm mua sắm	bảo hành	ngôi làng
lâu đài	tòa nhà chọc trời	tiệm thuốc
ngôi đền	giáo đường Do Thái	đại sứ quán
tòa thị chính	nhà thờ Hồi giáo	nhà máy
câu lạc bộ đêm	đài phun nước	bưu điện
sân bóng đá	sân golf	băng ghế
thông tin du lịch	sân quần vợt	hồ bơi

casinò	galleria d'arte	museo
parco nazionale	souvenir	acquario
scivolo d'acqua	montagne russe	parco acquatico
zoo	parco giochi	uscita di emergenza edificio
allarme antincendio	estintore	stazione di polizia
stato	regione	capitale

bảo tàng	phòng triển lãm nghệ thuật	sòng bạc
thủy cung	quà lưu niệm	công viên quốc gia
công viên nước	tàu lượn siêu tốc	trượt nước
cửa thoát hiểm	sân chơi	vườn bách thú
đồn cảnh sát	bình cứu hỏa	chuông báo cháy
thủ đô	khu vực	tiểu bang

Bệnh viện

incidente	paziente	chirurgia
pillola	febbre	tosse
pronto soccorso	terapia intensiva	sala d'attesa
aspirina	sonnifero	data di scadenza
dosaggio	sciroppo per la tosse	effetto collaterale
insulina	polvere	capsula
vitamina	antidolorifico	antibiotici

phẫu thuật	bệnh nhân	tai nạn
ho	sốt	viên thuốc
phòng chờ	khoa hồi sức tích cực	phòng cấp cứu
ngày hết hạn	thuốc ngủ	thuốc aspirin
tác dụng phụ	si-rô ho	liều lượng
viên nhộng	bột	insulin
kháng sinh	thuốc giảm đau	vitamin

batterio	virus	infarto
diarrea	diabete	ictus
asma	cancro	influenza
mal di denti	scottatura	mal di gola
mal di stomaco	infezione	allergia
crampo	mal di testa	siringa
stampella	radiografia	ecografo

đau tim	vi rút	vi khuẩn
đột quỵ	tiểu đường	tiêu chảy
cúm	ung thư	hen suyễn
viêm họng	cháy nắng	đau răng
dị ứng	nhiễm trùng	đau bụng
ống tiêm	đau đầu	chuột rút
máy siêu âm	chụp X quang	nạng

cerotto	sedia a rotelle	gesso
polso sangue	lesione	emergenza
commozione cerebrale	ustione	frattura
pillola anticoncezionale	test di gravidanza	

bó bột	xe lăn	bó bột
cấp cứu	chấn thương	mạch
gãy xương	vết bỏng	chấn động
	thử thai	thuốc tránh thai

Nghề nghiệp

dottore	infermiera	poliziotto
presidente	capitano	investigatore
pilota	professore	insegnante
avvocato	segretaria	assistente
giudice	dirigente	cuoco
tassista	autista di autobus	modello
artista	primo ministro	farmacista

cảnh sát	y tá	bác sĩ
thám tử	thuyền trưởng	tổng thống
giáo viên	giáo sư	phi công
trợ lý	thư ký	luật sư
đầu bếp	quản lý	thẩm phán
người mẫu	tài xế xe buýt	tài xế taxi
dược sĩ	thủ tướng	nghệ sĩ

pompiere lavoro	dentista	imprenditore
politico	programmatore	assistente di volo
scienziato	maestra d'asilo	architetto
ragioniere	consulente	pubblico ministero
direttore generale	guardia del corpo	proprietario
cameriere	guardia di sicurezza	soldato
pescatore	addetta alle pulizie	idraulico

doanh nhân	nha sĩ	lính cứu hỏa
tiếp viên hàng không	lập trình viên	chính trị gia
kiến trúc sư	giáo viên mầm non	nhà khoa học
công tố viên	tư vấn viên	kế toán viên
chủ nhà	vệ sĩ	tổng quản lý
bộ đội	nhân viên bảo vệ	bồi bàn
thợ sửa ống nước	nhân viên vệ sinh	ngư dân

elettricista	contadino	addetto alla reception
postino	cassiere	parrucchiere
autore	giornalista	fotografo
bagnino	cantante	musicista
attore	inviato	allenatore
arbitro		

lễ tân	nông dân	thợ điện
thợ làm tóc	thu ngân	người đưa thư
nhiếp ảnh gia	nhà báo	tác giả
nhạc sĩ	ca sĩ	nhân viên cứu hộ
huấn luyện viên	phóng viên	diễn viên
		trọng tài

Kinh doanh

denaro	ufficio	stress
assicurazione	personale	reparto
salario	indirizzo	lettera posta
numero di telefono	url	indirizzo email
sito web	e-mail	firma
perdita	profitto	cliente
importo	carta di credito	password

áp lực	văn phòng	tiền
bộ phận	nhân viên	bảo hiểm
lá thư	địa chỉ	lương
địa chỉ email	url	số điện thoại
chữ ký	thư điện tử	trang mạng
khách hàng	lợi nhuận	thua lỗ
mật khẩu	thẻ tín dụng	số tiền

bancomat	imposta	sala riunioni
biglietto da visita	reparto informatico	risorse umane
reparto legale	contabilità	marketing
vendite	collega	datore di lavoro
dipendente	nota informazione	presentazione
cartella documento	timbro	proiettore
pacco	francobollo	busta lettera

phòng họp	thuế	máy rút tiền
nhân sự	công nghệ thông tin	danh thiếp
tiếp thị	kế toán	bộ phận pháp lý
người sử dụng lao động	đồng nghiệp	bán hàng
thuyết trình	chú thích	nhân viên
máy chiếu	con dấu cao su	bìa cứng
phong bì	con tem	bưu kiện

browser	investimento	borsa valori
banconota	moneta	interesse
prestito	numero di conto	conto bancario

sàn giao dịch chứng khoán	đầu tư	trình duyệt
tiền lãi	tiền xu	tiền giấy
tài khoản ngân hàng	số tài khoản	khoản vay

Thiết bị

telefono	apparecchio televisivo	macchina fotografica
radio	ventilatore	climatizzatore
macchina del caffè	tostapane	aspirapolvere
asciugacapelli	bollitore	lavastoviglie
fornello	forno	microonde
frigo	lavatrice	telecomando
auricolare	mouse	tastiera computer

máy ảnh	bộ tivi	điện thoại
máy điều hòa	quạt	đài radio
máy hút bụi	máy nướng bánh mì	máy pha cà phê
máy rửa chén	ấm đun nước	máy sấy tóc
lò vi sóng	lò nướng	bếp điện
điều khiển từ xa	máy giặt	tủ lạnh
bàn phím	chuột	tai nghe

disco rigido	penna usb	scanner
stampante	schermo computer	portatile
robot	altoparlante	

máy quét	thanh USB	ổ cứng
máy tính xách tay	màn hình	máy in
	loa	rô bốt